

## CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

**Kính gửi:** - Sở Xây dựng tỉnh Thanh Hóa;

- Chủ đầu tư; Ban quản lý dự án; Tư vấn thiết kế; Tư vấn giám sát, nhà  
thầu thi công; các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng.

- Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám sát tư pháp xây dựng và Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
- Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của bộ Xây dựng.
- Căn cứ Quyết định số 57/QĐ-BXD ngày 15/01/2026 của Bộ xây dựng Về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng.

Công ty TNHH Giám định Chất lượng Công trình công bố công khai thông tin về năng lực đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của trạm thí nghiệm hiện trường Thanh Hóa trực thuộc phòng thí nghiệm của công ty như sau:

### 1. Thông tin về tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:

#### 1.1. Tên tổ chức: CÔNG TY TNHH GIÁM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0108110128 đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2018, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 25 tháng 04 năm 2024. Nơi cấp: Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Địa chỉ: No07-LK16, khu đất dịch vụ LK20a; LK20b, phường Dương Nội, TP Hà Nội

Điện thoại: 0916927881

Email: ctygdcl@gmail.com

Mã số thuế: 0108110128

Website: thinghiemvllxdl414.com

#### 1.2. Tên phòng thí nghiệm: PHÒNG THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG LAS-XD 1414

Địa chỉ: Số 1075 đường Giải Phóng, phường Hoàng Mai, TP Hà Nội

Trưởng phòng: ĐẶNG TUẤN PHƯƠNG

Điện thoại: 0989237583

Email: giamdinhclct@gmail.com

### 1.3. Thông tin Trạm thí nghiệm hiện trường:

- Tên trạm thí nghiệm hiện trường: **Trạm thí nghiệm hiện trường Thanh Hóa LAS-XD 1414**
- Địa chỉ: Số 109 Cao Sơn, phường Đông Quang, tỉnh Thanh Hóa
- Trưởng Trạm: **DƯ VĂN BIÊN**
- Điện thoại: 0975 406 267
- Email: giamdinhclct@gmail.com

### Dự án tham gia:

- Gói thầu số 6: Thi công xây dựng và cung cấp lắp đặt thiết bị công trình (bao gồm cả thí nghiệm chuyên ngành xây dựng) thuộc Dự án: Sửa chữa, cải tạo Nhà khách Văn phòng Tỉnh ủy - Cơ sở Hàn Thuyên;

## 2. Thông tin về năng lực của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (trạm thí nghiệm hiện trường Thanh Hóa LAS-XD 1414):

### 2.1. Danh sách các chỉ tiêu thí nghiệm và tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng.

Stt	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
<b>I - THỬ NGHIỆM CƠ - LÝ XI MĂNG</b>				
1	Phương pháp lấy mẫu và chuẩn bị mẫu thử	TCVN 4787:2009	Gáo múc, ống múc, dụng cụ lấy mẫu hình xoắn vít; muỗng xúc; xô đựng mẫu, thùng, túi, bao bì, dụng cụ niêm phong mẫu.	Dư Văn Biên Nguyễn Đức Thắng
2	Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 4030:2003 TCVN 13605:2023 ASTM C204-23 AASHTO T128, T133, T153, T192	Sàng tiêu chuẩn, bình đựng, đồng hồ bấm giây, bộ dụng cụ ấn xuyên, kim xuyên, nhiệt kế, côn thử độ sụt, bàn rung tạo mẫu, khuôn đúc mẫu	Dư Văn Biên Nguyễn Đức Thắng
3	Độ bền uốn, nén	TCVN 6016:2011 ASTM C109, C348, C349, D1635; AASHTO T106	Bộ sàng tiêu chuẩn, máy trộn hành tinh, khuôn (4x4x16cm; 5x5x5cm), thiết bị dẫn tự động, máy nén thủy lực NYL300, gá định vị uốn, gá định vị nén, tủ dưỡng hồ nhiệt ẩm, cân điện tử 3000g x 0.01g	Dư Văn Biên Nguyễn Đức Thắng
4	Độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết, độ ổn định thể tích	TCVN 6017:2015 ASTM C187, C191, C359 AASHTO T129, T131	Cân điện tử 3000g x 0.01g, buret, máy trộn, nước cát, đồng hồ bấm giây, thước kẹp 200mmx0.02mm, bộ dụng cụ Vica, dụng cụ Le Chatelier, thùng lọc mẫu,	Dư Văn Biên Nguyễn Đức Thắng

Stt	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
			tủ dưỡng hộ nhiệt ẩm	
<b>II - THỬ NGHIỆM HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG</b>				
5	Phương pháp lấy mẫu, chế tạo và bảo dưỡng mẫu	TCVN 3105:2022; ASTM C31, C42; AASHTO T31	Khay, thùng, xèng, bay, khuôn đúc mẫu, đầm dùi, thanh đầm, bàn rung...	Dur Văn Biên Nguyễn Đức Thắng
6	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông; xác định độ chảy xòe, chảy loang	TCVN 3106:2022 TCVN 12209:2018 ASTM C143, C1611 AASHTO T119, T347	Côn thử độ sụt, muồng xúc, khay tôn 50x50x5cm, thanh đầm, phễu đổ hỗn hợp, thước lá kim loại 100cmx1mm	Dur Văn Biên Nguyễn Đức Thắng
7	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:2022 ASTM C138 AASHTO T121	Thùng kim loại 5 lít, 15 lít, thiết bị đầm (2800-3000 v/ph, biên độ 0.35-0.5mm), cân điện tử 30kgx1.0g, thước lá kim loại 100cmx1mm	Nguyễn Tài Hòa Nguyễn Đức Thắng
8	Phân tích thành phần hỗn hợp bê tông	TCVN 3110:1993	Cân điện tử 100kgx10g, cân điện tử 30kgx1.0g, bộ sàng tiêu chuẩn, tủ sấy, khay sấy, xèng xúc	Nguyễn Tài Hòa Nguyễn Đức Thắng
9	Xác định khối lượng thể tích của bê tông	TCVN 3115:2022 ASTM C642	Cân điện tử 30kgx1.0g, thước lá kim loại, bếp điện và thùng nấu paraffin, tủ sấy	Nguyễn Tài Hòa Nguyễn Đức Thắng
10	Xác định độ chống thấm của bê tông	TCVN 3116:2022	Máy thử độ chống thấm, bàn chải sắt, parafin, tủ sấy, gá thử lắp mẫu thấm, khuôn đúc mẫu thấm	Nguyễn Tài Hòa Nguyễn Đức Thắng
11	Xác định cường độ chịu nén	TCVN 3118:2022 ASTM C39, C42 AASHTO T22, T24	Máy nén thủy lực TYE-2000, thước lá kim loại, đệm truyền tải, cân điện tử 30kgx1.0g, bộ dụng cụ capping, bột capping	Nguyễn Tài Hòa Nguyễn Đức Thắng Lê Văn Lâm
12	Xác định cường độ bê tông trên mẫu lấy từ cấu kiện	TCVN 12252:2020 TCXDVN 239 : 2006 ASTM C42 AASHTO T24	Máy khoan bê tông lưỡi bằng kim cương, máy cắt bê tông lưỡi bằng kim cương, bộ dụng cụ capping, bể ngâm mẫu	Nguyễn Tài Hòa Nguyễn Đức Thắng
13	Thiết kế thành phần cấp phối bê tông	TCVN 10306:2014 778/1998/QĐ-BXD	Máy trộn; máy đầm; bàn rung tạo mẫu; dụng cụ đo độ sụt; cân kỹ thuật; khuôn đúc mẫu; thùng bảo dưỡng mẫu.	Dur Văn Biên Nguyễn Tài Hòa Nguyễn Đức Thắng
<b>III - THỬ NGHIỆM CỐT LIỆU CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA</b>				

Stt	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
14	Lấy mẫu	TCVN 7572-1:2006	Cân kỹ thuật; xẻng, bay, muỗng xúc, bộ dụng cụ chia mẫu.	Nguyễn Đức Thắng
15	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2:2006 AASHTO T27, T11 ASTM C136, C117	Cân điện tử 30kgx1.0g, 3000gx0.01g, bộ sàng tiêu chuẩn (100; 70; 40; 20; 10; 5; 2.5; 1.25; 0.63; 0.315 và 0.14mm), bộ sàng vuông (90; 75; 63; 50; 37,5; 31.5; 25; 19; 12,5; 9,5; 4,75; 2,36; 1,18; 0,63; 0,315; 0,15 và 0,075mm, tủ sấy, khay	Nguyễn Tài Hòa Nguyễn Đức Thắng
16	Khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006 AASHTO T84, T85 ASTM C127, C128	Cân điện tử 3000gx0.01g, tủ sấy, côn thử độ sụt cốt liệu, bình tam giác miệng rộng dung tích 1.5 lít, thùng ngâm mẫu, khăn thấm nước, sàng 5.0mm và 0.14mm, phễu chứa vật liệu, bình hút ẩm	Nguyễn Tài Hòa Nguyễn Đức Thắng
17	Khối lượng riêng; Khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và hạt cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006 ASTM C127 AASHTO T:85	Cân điện tử 30kgx1.0g và 3000gx0.01g, cân thủy tĩnh 3000gx0.01g và giỏ đựng mẫu, thùng ngâm mẫu, khăn thấm, thước kẹp, bàn chải sắt, tủ sấy	Nguyễn Tài Hòa Nguyễn Đức Thắng
18	Xác định khối lượng thể tích xếp và độ hồng	TCVN 7572-6:2006 AASHTO T19 ASTM C29	Thùng đóng kim loại dung tích 1; 2; 5; 10 và 20 lít, cân điện tử 100kgx10g, 30kgx1.0g, phễu chứa vật liệu, thanh gạt phẳng, bộ sàng tiêu chuẩn, tủ sấy, thước lá kim loại	Nguyễn Tài Hòa Nguyễn Đức Thắng
19	Xác định độ ẩm, độ hút ẩm	TCVN 7572-7:2006 TCVN 10321:2014 AASHTO T255 ASTM C566	Cân điện tử 3000gx0.01g, tủ sấy, dụng cụ đảo mẫu, khay sấy, muỗng xúc	Nguyễn Tài Hòa Nguyễn Đức Thắng
20	Hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006 ASTM C117, C142 AASHTO T11, T112	Cân điện tử 3000gx0.01g và 300gx0.001g, tủ sấy, thùng rửa cốt liệu, tấm kính, que sắt, khay sấy	Nguyễn Tài Hòa Nguyễn Đức Thắng

Stt	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
21	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006 AASHTO T21 ASTM C40	Cân điện tử 3000gx0.01g, bếp cách thủy, bình trụ thủy tinh 250ml và 10ml trong suốt, dung dịch NaOH kỹ thuật 3%, tananh dung dịch 2%, rượu êtylic dung dịch 1%, thang màu để so sánh	Nguyễn Tài Hòa Nguyễn Đức Thắng
22	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006 ASTM D2938 JIS M0302	Máy ép thủy lực TYE-2000 và NYL-300, máy khoan, máy cắt, máy mài nước, thước kẹp, thùng ngâm mẫu	Nguyễn Tài Hòa Nguyễn Đức Thắng
23	Xác định độ nén đập và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:06	Máy ép thủy lực, xilanh D75 và D150, cân kỹ thuật, sàng tiêu chuẩn 2.5 và 1.25mm, tủ sấy, thùng ngâm mẫu	Nguyễn Tài Hòa Nguyễn Đức Thắng
24	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006 AASHTO T335 ASTM D4791	Cân điện tử 30kgx1.0g và 3000gx0.01g, thước kẹp cài tiến, bộ sàng tiêu chuẩn, tủ sấy, khay, muỗng xúc	Dur Văn Biên Nguyễn Tài Hòa Nguyễn Đức Thắng
25	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá	TCVN 7572-17:2006 AASHTO T112	Cân điện tử 30kgx1.0g và 3000gx0.01g, tủ sấy, bộ sàng tiêu chuẩn, kim sắt và kim nhôm, búa con	Dur Văn Biên Nguyễn Tài Hòa Nguyễn Đức Thắng
26	Hạt nhẹ trong cốt liệu	AASHTO T113 ASTM C123	Cân điện tử 30kgx1.0g và 3000gx0.01g, thùng ngâm mẫu, muỗng xúc, tủ sấy, tỷ trọng kế, dung dịch ZnCl <sub>2</sub>	Dur Văn Biên Nguyễn Tài Hòa Nguyễn Đức Thắng
27	Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18:2006 AASHTO T335	Cân điện tử 30kgx1.0g và 3000gx0.01g, kính lúp	Dur Văn Biên Nguyễn Tài Hòa Nguyễn Đức Thắng
28	Xác định hàm lượng hạt nhỏ hơn 0,075 mm	TCVN 9205:2012 AASHTO T11	Cân ký thuật có độ chính xác 0,1g; sàng 0,075mm; dụng cụ chứa mẫu, rửa mẫu; tủ sấy.	Dur Văn Biên Nguyễn Tài Hòa Nguyễn Đức Thắng
<b>IV - THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT TRONG PHÒNG</b>				
29	Lấy mẫu, bao gói, vận chuyển và bảo quản mẫu	TCVN 2683:2012	Dụng cụ lấy mẫu: cuốc, xẻng, bay... Dụng cụ đựng mẫu: Thùng, khay, bao bì...	Dur Văn Biên Nguyễn Tài Hòa Nguyễn Đức Thắng

Stt	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
			Cân điện tử; búa cao su.	
30	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012 AASHTO T100 ASTM D854	Cân điện tử 3000gx0.01g, bình tỷ trọng (100cm <sup>3</sup> ), cối chày sứ (đồng), sàng 2mm, bép cát, tủ sấy, thiết bị ổn nhiệt, cốc nhỏ (hộp nhôm có nắp), dầu hỏa, bơm chân không (có cả bình hút chân không)	Dur Văn Biên Nguyễn Tài Hòa Nguyễn Đức Thắng
31	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:12AASHTO T265, T273ASTM D2216	Tủ sấy, cân điện tử 3000gx0.01g, hộp nhôm có nắp, bình hút ẩm có hạt hút ẩm, sàng 1mm, cối và chày sứ có đầu bọc cao su, khay phơi đất, cân phân tích điện tử 300gx0.001g, sàng 0.5mm, cốc thủy tinh	Dur Văn Biên Nguyễn Tài Hòa Nguyễn Đức Thắng
32	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:12 AASHTO T89, T90 ASTM D4318	Quả dọi thẳng bằng Vaxiliev, khuôn hình trụ kim loại, kính nhám, sàng 1mm, cối và chày sứ có đầu bọc cao su, bình thủy tinh có nắp, cân điện tử 3000gx0.01g, cốc thủy tinh, tủ sấy, bát sắt tráng men, dao trộn - dụng cụ Casagrande	Dur Văn Biên Nguyễn Tài Hòa Nguyễn Đức Thắng
33	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014 AASHTO T27, T88 ASTM C136, D422, D1140	Cân điện tử 3000gx0.01g, bộ sàng (10; 5; 2; 1,05; 0,25; 0,1mm), cối và chày sứ có đầu bọc cao su, tủ sấy, bình hút ẩm có clorua canxi, quả lê bằng cao su, dao con, cân kỹ thuật, máy sàng lắc, cân phân tích, tỷ trọng kế, bộ phận đun và làm lạnh, bình tam giác, nhiệt kế, que khuấy, đồng hồ bấm giây, máy rửa, ống hút.	Dur Văn Biên Nguyễn Tài Hòa Nguyễn Đức Thắng
34	Xác định độ chặt tiêu chuẩn trong phòng thí nghiệm; Đầm nén Proctor	TCVN 4201:12 TCVN 12790:20 22TCN 333:06 ASTM D1557, D698 AASHTO T99, T180	Chày cối đầm chặt tiêu chuẩn và cải tiến, bộ dụng cụ tháo mẫu, cân điện tử 30kgx1.0g và 3000gx0.01g, tủ sấy, sàng 19 và 4.75mm, dao gạt đất, khay trộn đất, búa cao su, hộp nhôm	Dur Văn Biên Nguyễn Tài Hòa Nguyễn Đức Thắng

Stt	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
35	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:2012TCVN 8729:12 ASTM D2937BS 1377	Dao vòng bằng kim loại, thước cặp, dao cắt, cân kỹ thuật 3000gx0.01g, các tấm kính, bình xịt nước, hộp nhôm hoặc bình thủy tinh có nắp, tủ sấy, bình hút ẩm, muông xúc, khay nhôm, khay tôn hoa	Dur Văn Biên Nguyễn Tài Hòa Nguyễn Đức Thắng
36	Xác định chỉ số CBR của đất, đá dăm trong phòng thí nghiệm	TCVN 12792:2020 22TCN 332:06 ASTM D1883 AASHTO T193	Các bộ khuôn CBR tiêu chuẩn, chày đầm nén, đồng hồ so 5mmx0.01mm, máy nén CBR, thùng ngâm mẫu, cân điện tử 30kgx1.0g và 3000gx0.01g, tủ sấy, khay	Dur Văn Biên Nguyễn Tài Hòa Nguyễn Đức Thắng
<b>V - THỬ NGHIỆM CƠ LÝ THÉP XÂY DỰNG VÀ MÔI HÀN</b>				
40	Xác định kích thước hình học	TCVN 11227-2:2015 ISO 10799-2:2011	Thước kẹp, thước quận, thước góc	Dur Văn Biên Nguyễn Tài Hòa Nguyễn Đức Thắng
41	Thử uốn	TCVN 198:2008TCVN 5891:2008ISO 7438ASTM E290, A370AASHTO T285JIS Z2248	Máy kéo thủy lực vạn năng WE-1000B, máy cắt thép, thước thép 1000mmx0.5mm và phụ kiện (ê tô, đồ gá, gối đỡ, đầu búa uốn các cỡ,..)	Dur Văn Biên Nguyễn Tài Hòa Nguyễn Đức Thắng
42	Thử kéo	TCVN 197:2014 TCVN 314:2008 ISO 6892-1:16 AASHTO T68 ASTM E8, A370 JIS Z2241, Z2201	Máy kéo thủy lực vạn năng WE-1000B, máy cắt thép, thiết bị khắc vạch mẫu, thước kẹp, dụng cụ Palme, cân điện tử 30kgx1.0g và 6000gx0.1g, thước lá kim loại	Dur Văn Biên Nguyễn Tài Hòa Nguyễn Đức Thắng
43	Thử uốn và uốn lại không hoàn toàn	TCVN 6287:1997	Máy kéo thủy lực vạn năng WE-1000B và phụ kiện uốn, tủ sấy	Dur Văn Biên Nguyễn Tài Hòa Nguyễn Đức Thắng
44	Thép làm cốt bê tông và bê tông dự ứng lực - Thanh, dảnh và dây dùng làm cốt: Xác định kích thước hình học, độ bền kéo, bền uốn và uốn lại	TCVN 7937:2013 TCVN 9391:2012 TCVN 6287:2097 ISO 15630:10 ASTM A1061	Máy kéo thủy lực vạn năng, các bộ ngàm kẹp chuẩn, bộ gối uốn và búa uốn các cỡ, extensometer, thiết bị khắc vạch mẫu, thước kẹp, dụng cụ Palme, cân điện tử 30kgx1.0g và các phụ kiện khác	Dur Văn Biên Nguyễn Tài Hòa Nguyễn Đức Thắng

Stt	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
45	Thép làm cốt bê tông và bê tông dự ứng lực - Phương pháp thử - Phần 2: Lưới hàn	TCVN 7937-2:2013 ISO 15630-2:2010	Máy kéo thủy lực vạn năng, các bộ ngàm kẹp chuẩn, bộ gối uốn và búa uốn các cỡ, extensometer, thiết bị khắc vạch mẫu, thước kẹp, dụng cụ Palme, cân điện tử 30kgx1.0g và các phụ kiện khác	Dur Văn Biên Nguyễn Tài Hòa Nguyễn Đức Thắng
46	Mối hàn - Phương pháp thử uốn	TCVN 5401:2010 ASTM E190 JIS Z3040	Máy kéo thủy lực vạn năng WE-1000B và phụ kiện uốn	Dur Văn Biên Nguyễn Tài Hòa Nguyễn Đức Thắng
47	Mối hàn - Phương pháp thử kéo	TCVN 5403:1991 ASTM A370 JIS Z3040	Máy kéo thủy lực vạn năng WE-1000B, thiết bị khắc vạch mẫu, thước kẹp, Palme, cân điện tử 30kgx1.0g, thước lá kim loại	Dur Văn Biên Nguyễn Tài Hòa Nguyễn Đức Thắng
48	Thử phá hủy mối hàn trên vật liệu kim loại - Thử kéo dọc	TCVN 8311:2010	Máy kéo thủy lực vạn năng WE-1000B, thiết bị khắc vạch mẫu, thước kẹp, dụng cụ Palme, cân điện tử 30kgx1.0g, thước lá	Dur Văn Biên Nguyễn Tài Hòa Nguyễn Đức Thắng
49	Lớp phủ mạ kẽm - Phương pháp thử	TCVN 5408:2007 AASHTO T65 ASTM B487, E376	Máy đo chiều dày lớp phủ, các đầu dò, mẫu chuẩn, giấy ráp và các dụng cụ phụ trợ	Dur Văn Biên Nguyễn Tài Hòa Nguyễn Đức Thắng
50	Đo chiều dày lớp phủ - Chiều dày sơn	TCVN 5878:2007 ASTM D1186	Máy đo chiều dày lớp phủ, các đầu dò, mẫu chuẩn và các dụng cụ phụ trợ	Dur Văn Biên Nguyễn Tài Hòa Nguyễn Đức Thắng
51	Thử kéo bu lông, đai ốc	TCVN 1916:1995 TCVN 197:2014 TCVN 11741:2017 ASTM E8, A370 ISO 6892-1	Máy kéo thủy lực vạn năng WE-1000B, thước thép, ngàm kẹp bu lông	Dur Văn Biên Nguyễn Tài Hòa Nguyễn Đức Thắng
52	Thép cốt bê tông - Thử kéo mối nối bằng ống ren	TCVN197:2014 TCVN 13711:2023 AASHTO T68 ASTM E8, A370	Máy kéo thủy lực vạn năng WE-1000B, thiết bị khắc vạch mẫu, thước kẹp, dụng cụ Palme, cân điện tử 30kgx1.0g, thước lá kim loại và các phụ kiện khác	Dur Văn Biên Nguyễn Tài Hòa Nguyễn Đức Thắng

Stt	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
53	Thử nghiệm cơ lý nhôm: Xác định độ bền kéo; độ giãn dài tương đối; độ cứng; hình dạng và dung sai kích thước	TCVN 12513:2018; TCVN 5838:1994; ASTM B557M; TCXDVN 330:2004	Máy kéo nén đa năng; thước kẹp điện tử; thước lá kim loại; máy đo độ cứng và các thiết bị phụ trợ gia công mẫu thí nghiệm.	Dur Văn Biên Nguyễn Tài Hòa Nguyễn Đức Thắng
54	Vật liệu kim loại - Ống - Thử nén bẹp	TCVN 1830:2008	Máy kéo nén đa năng; thước kẹp điện tử; thước lá kim loại; máy cắt gia công mẫu	Dur Văn Biên Nguyễn Tài Hòa Nguyễn Đức Thắng
<b>VI - THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG</b>				
55	Cọc khoan nhồi - Xác định tính đồng nhất của bê tông - Phương pháp xung siêu âm	TCVN 9396:2012 ASTM D6760	Máy siêu âm cọc nhồi CHA, đầu phát, đầu thu, cáp tín hiệu chữ Y, bộ mã hóa chiều sâu, cuộn dây tín hiệu thu - phát và các dụng cụ phụ trợ	Nguyễn Tài Hòa Nguyễn Đức Thắng
56	Cọc - Phương pháp thử động biến dạng lớn (PDA)	TCVN 11321:2016 ASTM D4945	Máy chính PDA, các đầu đo gia tốc và chuyển vị, cáp chữ Y, búa thử động, khoan bắt vít và các dụng cụ phụ trợ	Nguyễn Tài Hòa Nguyễn Đức Thắng
57	Xác định độ ẩm, khối lượng thể tích, độ chặt của đất và cấp phối tại hiện trường bằng phương pháp dao đai và rót cát	TCVN 12791:2020 TCVN 8728:2012 TCVN 8729:2012 TCVN 8730:2012 22TCN 346:2006 AASHTO T204, T191ASTM D2937, D1556	Bộ dụng cụ dao đai, bộ phễu rót cát, cát chuẩn, cân điện tử 3000gx0.01g, cân điện tử 30kgx1.0g, dao gạt đất, hộp nhôm, chảo sấy, côn, chổi lông, bay nhọn, thùng chứa nước có vạch định lượng, khay nhôm, búa, cuốc chim, đục, xẻng, thước nivo, vòng chắn hình trụ bằng thép, các tấm nilon	Dur Văn Biên Nguyễn Tài Hòa Nguyễn Đức Thắng
58	Xác định độ bằng phẳng bằng thước dài 3m	TCVN 8864:2011 ASTM E950, E1082	Thước dài 3m bằng nhôm, nôm có chiều dày 3; 5; 7; 10; 15mm, chổi quét	Dur Văn Biên Nguyễn Tài Hòa Nguyễn Đức Thắng
59	Cọc - Phương pháp thí nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012 AASHTO TP 104 ASTM D3689	Kích thủy lực, dầm chất tải, áp kế, đồng hồ so, giá đỡ đồng hồ đo biến dạng và các dụng cụ phụ trợ	Nguyễn Tài Hòa Nguyễn Đức Thắng Lê Văn Lâm

Stt	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
60	Đo điện trở đất	TCVN 7447-5-54:2015TCVN 9385:12	Máy đo điện trở nối đất; 2 cọc kim loại, 1 cuộn dây điện.	Nguyễn Tài Hòa Nguyễn Đức Thắng Lê Văn Lâm
61	Xác định lực và cường độ kéo nhỏ của vê tông; Thí nghiệm kéo nhỏ thép, bulong khoan cấy tại hiện trường	TCVN 9490:2012 TCVN 11741:2017 ASTM C900, E1512	Kích thủy lực rỗng tâm; bom dầu thủy lực; các nêm kẹp; long đen và ecu.	Nguyễn Tài Hòa Nguyễn Đức Thắng Lê Văn Lâm
<b>IX - THỬ NGHIỆM CƠ LÝ VỮA XÂY DỰNG</b>				
62	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:2022	Bộ sàng (10; 5; 2,5; 1,25; 0,63; 0,315; 0,14 và 0,08 mm), tủ sấy, cân điện tử 3000gx0.01g	Dur Văn Biên Nguyễn Tài Hòa Nguyễn Đức Thắng
63	Xác định độ lưu động của vữa tươi; độ chảy	TCVN 3121-3:2022 TCVN 9204:12 ASTM C1437, C939	Cân điện tử 3000gx0.01g, thước kẹp, bay, chảo trộn mẫu, bàn dẫn quay tay, khâu hình côn tiêu chuẩn	Dur Văn Biên Nguyễn Tài Hòa Nguyễn Đức Thắng
64	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2022BS EN 1015-6	Bình trụ tròn bằng sắt có dung tích 1000 ± 2ml, chày đầm vữa, dụng cụ thử độ lưu động, cân điện tử 30kgx1.0g; dao thép, bay, chảo sắt	Dur Văn Biên Nguyễn Tài Hòa Nguyễn Đức Thắng
65	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-10:2022 BS EN 1015-10	Cân điện tử 3000gx0.01g, tủ sấy, thước kẹp 200mmx0.02mm; cân thủy tĩnh điện tử 3000gx0.01g	Dur Văn Biên Nguyễn Tài Hòa Nguyễn Đức Thắng
66	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-11:22 TCVN 9204:12 TCVN 13480-2:22 ASTM C109, C349, C348, C942	Khuôn 4x4x16cm, chày đầm mẫu, thùng bảo dưỡng mẫu, mảnh vải cotton, giấy lọc định tính, tấm kính, máy nén thủy lực NYL300, gá định vị uốn, gá định vị nén	Dur Văn Biên Nguyễn Tài Hòa Nguyễn Đức Thắng
67	Xác định cường độ dính bám của vữa đã đóng rắn trên nền	TCVN 3121-12:22 TCVN 13480-8:22 ASTM C1583	Vòng thép hình nón cụt, tấm đầu kéo, keo gắn, máy thử độ bám dính, tủ dưỡng hộ nhiệt ẩm và các dụng cụ phụ trợ	Dur Văn Biên Nguyễn Tài Hòa Nguyễn Đức Thắng

Stt	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
68	Xác định độ hút nước của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-18:2022 ASTM C1403	Cân điện tử 30kgx1.0g và 3000gx0.01g, tủ sấy, thùng ngâm mẫu, thước kẹp	Dur Văn Biên Nguyễn Tài Hòa Nguyễn Đức Thắng
69	Thiết kế thành phần cấp phối vữa	TCVN 4459:1987	Máy trộn; bàn dẫn tạo mẫu; dụng cụ thử độ linh động; cân kỹ thuật; khuôn đúc mẫu; thùng bảo dưỡng; thước đo	Dur Văn Biên Nguyễn Tài Hòa Nguyễn Đức Thắng
<b>X - THỬ NGHIỆM CƠ LÝ CÁC LOẠI GẠCH XÂY DỰNG</b>				
70	Thử nghiệm cơ lý gạch xây (Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan, cường độ bền nén, cường độ bền uốn, độ hút nước, khối lượng thể tích, độ rỗng, vết tróc do vôi, độ thoát muối)	TCVN 6355:2009 ASTM C67 AASHTO T32	Thước kẹp, thước thép kim loại, êke, máy ép thủy lực, máy cắt, thước đo, các tấm kính để làm phẳng vữa trát mặt mẫu, bay, chảo trộn vữa xi măng, bộ gá uốn mẫu gạch xây, cân điện tử 30kgx1g, tủ sấy, thùng ngâm mẫu, cát tiêu chuẩn, tủ dưỡng hộ nhiệt ẩm	Dur Văn Biên Nguyễn Tài Hòa Nguyễn Đức Thắng
71	Thử nghiệm cơ lý gạch bê tông (Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan, xác định độ rỗng, cường độ nén, độ thấm nước, độ hút nước)	TCVN 6477:2016 ASTM C140	Thước kẹp 300mmx0.02mm, máy nén thủy lực NYL300, cân kỹ thuật (độ chính xác 1g), cát khô, khay chứa nước, bộ dụng cụ thử thấm, tủ sấy, thùng ngâm mẫu	Dur Văn Biên Nguyễn Tài Hòa Nguyễn Đức Thắng
72	Thử nghiệm cơ lý gạch bê tông tự chèn (Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan, xác định cường độ nén, độ hút nước)	TCVN 6476:1999 ASTM C140	Thước lá thép, thước kẹp 300mmx0.02mm, các miếng kính phẳng, bay, chảo trộn, máy nén thủy lực NYL300, cân điện tử 30kgx1g và 3000gx0.01g, tủ sấy, thùng ngâm mẫu, vật liệu mài	Dur Văn Biên Nguyễn Tài Hòa Nguyễn Đức Thắng

Stt	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
73	Thử nghiệm cơ lý sản phẩm bê tông nhẹ; Bê tông bọt; Bê tông khí không chung áp; Bê tông khí chung áp (Kiểm tra khuyết tật ngoại quan, xác định kích thước, độ vuông góc, cường độ nén, độ ẩm và khối lượng thể tích khô, độ hút nước)	TCVN 9030:17ASTM C1962-25	Thước kẹp 300mmx0.02mm, thước thép kim loại 1000mmx1mm, máy nén thủy lực TYA 300, cân điện tử 30kgx1g, 3000gx0.01g, tủ sấy, bay, chảo trộn, các tấm kính phẳng, tủ dưỡng hộ nhiệt ẩm, thước kẹp điện tử, đầu đo độ co khô, thùng ngâm mẫu, máy cắt gia công mẫu	Dư Văn Biên Nguyễn Tài Hòa Nguyễn Đức Thắng
74	Thử nghiệm cơ lý gạch Tezaro (Kiểm tra khuyết tật ngoại quan và sai lệch kích thước, xác định độ hút nước bề mặt, độ bền uốn)	TCVN 7744:2013	Thước thép chính xác 0.1 mm, thước nivo, thước lá, tủ sấy, cân 30kgx1g, cân 3000gx0.01g, khăn ẩm, thùng chứa nước, máy nén thủy lực, gá uốn mẫu gạch, bay, máy cắt mẫu	Dư Văn Biên Nguyễn Tài Hòa Nguyễn Đức Thắng

Công ty TNHH Giám định Chất lượng Công trình chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của thông tin tự công bố, cam kết hành nghề hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo đúng nội dung đã công bố và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan./.

**ĐẠI DIỆN TÓ CHỨC HOẠT ĐỘNG  
THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**



**GD. Dương Minh Tuấn**